

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị An Giang trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị An Giang (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 3839/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt phương án và cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị An Giang. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1601604590, đăng ký lần đầu ngày 24/11/2011 và đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 04/10/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 05 ngày 04/10/2018 là 198.930.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm chín mươi tám tỷ chín trăm ba mươi triệu đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: AN GIANG URBAN ENVIROMENT JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt là: CTY CP MTĐT AG.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang Giao dịch trên sàn UpCom. Mã cổ phiếu: AGE.

Trụ sở chính của Công ty tại số 128 đường Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Ngọc Sơn	Chủ tịch
	Ông Trần Minh Tâm	Thành viên
	Ông Đặng Anh Dũng	Thành viên
	Ông Đỗ Văn Lạc	Thành viên
	Ông Trần Hữu Bình	Thành viên
Ban Kiểm soát	Trần Thị Thanh Hương	Trưởng ban
	Nguyễn Thị Thu Thảo	Thành viên (Được bổ nhiệm ngày 22/6/2020)
	Nguyễn Kim Hiên	Thành viên
	Trần Đình Thư	Thành viên
Ban Tổng Giám đốc	Ông Trần Minh Tâm	Tổng Giám đốc
	Ông Đặng Anh Dũng	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Đinh Thị Ngọc Nga	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Công ty đã nộp hồ sơ đăng ký và được chấp thuận là Công ty đại chúng trong năm 2019, tuy nhiên, theo Công văn số 334/UBCK-GSĐC ngày 29/01/2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ công ty đại chúng và Công văn số 57/CTY MTĐTĐAG của Công ty ngày 19/02/2021 gửi Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước giải trình về điều kiện đáp ứng là Công ty đại chúng, theo đó, Công ty không đủ điều kiện được coi là Công ty đại chúng và đang hoàn thiện hồ sơ hủy đăng ký.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, ngoài sự kiện nêu trên, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Trần Minh Tâm
Tổng Giám đốc

An Giang, ngày 26 tháng 3 năm 2021

Số: 93/2021/BCKT-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
Về Báo cáo tài chính cho năm 2020
của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị An Giang

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị An Giang

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị An Giang, được lập ngày 26/3/2021, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị An Giang tại ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 trình bày vấn đề khác liên quan đến việc Công ty chưa lập hồ sơ bàn giao giữa Doanh nghiệp cổ phần và Công ty cổ phần theo quy định tại Điều 9 của Thông tư 41/2018/TT-BTC ngày 04/5/2018 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung về xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi chuyển doanh nghiệp Nhà nước và Công ty TNHH Một thành viên do Doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành Công ty cổ phần. Trong năm 2020, việc lập hồ sơ nêu trên đã được thực hiện và không còn tồn tại tại ngày 31/12/2020. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Vũ Ngọc Ân**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số 01/2021/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2021 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2021

Lưu Minh Tới**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3920-2017-137-1

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		123.556.876.347	113.904.410.496
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	57.129.727.763	41.543.173.153
1. Tiền	111		18.629.727.763	11.543.173.153
2. Các khoản tương đương tiền	112		38.500.000.000	30.000.000.000
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		20.453.160.485	10.433.829.517
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.3	20.453.160.485	10.433.829.517
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		27.561.358.402	36.447.799.981
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	24.940.424.846	30.050.172.451
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.551.206.269	7.947.916.111
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	840.437.471	220.421.603
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.5	(1.770.710.184)	(1.770.710.184)
IV- Hàng tồn kho	140	5.6	16.252.063.534	24.663.758.732
1. Hàng tồn kho	141		16.252.063.534	24.663.758.732
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		2.160.566.163	815.849.113
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	2.158.762.970	815.849.113
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		1.803.193	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		196.180.092.669	246.699.124.977
I Các khoản phải thu dài hạn	210		216.265.000	318.010.585
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	216.265.000	318.010.585
II Tài sản cố định	220		125.614.382.993	116.095.683.552
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	111.436.217.131	101.921.408.804
- Nguyên giá	222		188.266.403.033	164.779.359.396
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(76.830.185.902)	(62.857.950.592)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	14.178.165.862	14.174.274.748
- Nguyên giá	228		14.408.996.234	14.323.996.234
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(230.830.372)	(149.721.486)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		66.215.810.706	122.363.594.191
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	66.215.810.706	122.363.594.191
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		200.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		200.000.000	-
VI Tài sản dài hạn khác	260		3.933.633.970	7.921.836.649
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	3.933.633.970	7.921.836.649
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		319.736.969.016	360.603.535.473

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		71.654.472.602	44.307.159.049
I- Nợ ngắn hạn	310		71.654.472.602	44.307.159.049
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	13.894.019.580	28.801.830
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		107.100.000	7.500.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	2.302.535.136	638.211.358
4. Phải trả người lao động	314		26.049.927.343	23.484.127.294
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	14.686.296.964	6.181.773
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.14	-	35.023.547
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	4.842.049.012	8.318.221.422
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		9.772.544.567	11.789.091.825
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		248.082.496.414	316.296.376.424
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.16	248.082.496.414	316.296.376.424
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		198.930.000.000	198.930.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		198.930.000.000	198.930.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.562.762.842	1.887.707.802
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	679.035.749
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		-	679.035.749
- LNST chưa phân phối kì này	421b		-	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		45.589.733.572	114.799.632.873
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		319.736.969.016	360.603.535.473

Người lập



Trần Thị Thúy

Kế toán trưởng



Võ Thị Ngọc Bích

An Giang, ngày 26 tháng 3 năm 2021

Tổng Giám đốc



Trần Minh Tâm

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.17	261.252.520.375	195.017.740.957
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		501.462.961	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.17	260.751.057.414	195.017.740.957
4. Giá vốn hàng bán	11	5.18	225.212.534.798	163.493.642.366
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		35.538.522.616	31.524.098.591
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.19	2.492.431.886	1.970.902.676
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.20	17.070.394.337	16.146.140.177
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		20.960.560.165	17.348.861.090
11. Thu nhập khác	31	5.21	179.238.492	152.460.784
12. Chi phí khác	32	5.21	274.367.229	66.601.863
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(95.128.737)	85.858.921
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		20.865.431.428	17.434.720.011
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.22	4.114.881.031	2.359.962.033
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		16.750.550.397	15.074.757.978
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.23	284,20	275,78

Người lập



Trần Thị Thúy

Kế toán trưởng



Võ Thị Ngọc Bích

An Giang, ngày 26 tháng 3 năm 2021

Tổng Giám đốc



Trần Minh Tâm

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2020	Năm 2019
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	20.865.431.428	17.434.720.011
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	15.438.576.554	14.264.663.698
- Các khoản dự phòng	03	-	159.504.809
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(2.304.373.885)	(1.946.220.241)
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	33.999.634.097	29.912.668.277
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	9.031.027.377	12.917.365.846
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	8.411.695.198	(10.522.058.472)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	21.775.969.734	(5.662.544.360)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	2.645.288.822	7.947.126.804
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.181.649.009)	(4.958.000.000)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(13.792.478.364)	(7.556.579.282)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	59.889.487.855	22.077.978.813
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(32.575.739.848)	(28.822.405.874)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	20.909.091	-
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(50.200.000.000)	(10.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	40.000.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.428.457.512	1.912.390.724
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(40.326.373.245)	(36.910.015.150)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.976.560.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(3.976.560.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	15.586.554.610	(14.832.036.337)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	41.543.173.153	56.375.209.490
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	57.129.727.763	41.543.173.153

Người lập



Trần Thị Thúy

Kế toán trưởng



Võ Thị Ngọc Bích



An Giang, ngày 26 tháng 3 năm 2021

Tổng Giám đốc

Trần Minh Tâm

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09-DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị An Giang là Công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 3839/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt phương án và cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị An Giang. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1601604590, đăng ký lần đầu ngày 24/11/2011 và đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 04/10/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 05 ngày 04/10/2018 là 198.930.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm chín mươi tám tỷ chín trăm ba mươi triệu đồng).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: AN GIANG URBAN ENVIROMENT JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt là: CTY CP MTĐT AG.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang Giao dịch trên sàn UpCom. Mã cổ phiếu: AGE.

Trụ sở chính của Công ty tại số 128 đường Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Tổng số lao động bình quân của Công ty năm 2020 là 810 người (năm 2019 là: 745 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Quét rác đường phố, vỉa hè; Dịch vụ quản lý khai thông hệ thống nước thải, xử lý nước thải; Rút hầm cầu, hầm lửng; Dịch vụ cung cấp vận chuyển đồ, lau dọn vệ sinh cho các tổ chức, cá nhân; Đầu tư xây dựng nhà máy xử lý chất thải rắn, chất thải y tế; Đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước thải; Đầu tư xây dựng hoa viên nghĩa trang và các dự án khác; Thi công xây dựng công trình nông thôn, công nông thôn, công cộng; Xử lý chất thải rắn, chất thải sinh hoạt, chất thải y tế, chất thải công nghiệp; Tái chế phế liệu; Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ; Mua bán cây xanh, hoa kiểng các loại; Sản xuất gạch lót vỉa hè; Sản xuất xe rác kéo tay; Sản xuất thùng rác; Mua bán gạch lót vỉa hè; Sản xuất và thi công khung thép, các cấu kiện thép của công trình hạ tầng, công nghiệp, dân dụng, khung tiền chế, cửa các loại và các cấu kiện thép khác; Thi công trang trí nội thất, ngoại thất các công trình dân dụng và công nghiệp; Lắp đặt, thi công điện dân dụng, công nghiệp, chiếu sáng công cộng, hạ tầng hạ thế; Sửa chữa và cải tạo xe ô tô, xe chuyên dụng và các loại xe thô sơ khác; Thiết kế làm mới thùng, khung xe chuyên dụng và ô tô các loại; Sản xuất xe rác kéo tay, khung xe các loại; Thu gom rác thải độc hại; Xử lý tiêu hủy rác thải độc hại; Thu gom, vận chuyển chất thải rắn, chất thải sinh hoạt, chất thải y tế, chất thải công nghiệp; Dịch vụ quản lý, chăm sóc công viên công cộng, hoa viên, cây xanh đường phố; Dịch vụ quản lý, vận hành và duy tu sửa chữa hệ thống điện chiếu sáng công cộng; Dịch vụ duy tu, sửa chữa các công trình thoát nước vỉa hè, cầu đường, sơn vạch kẻ đường; Mua bán phế liệu (ngoại trừ phế liệu nhập khẩu gây ô nhiễm môi trường); Mua bán thùng rác và xe rác kéo tay; Trồng cây cảnh lâu năm và các cây lâu năm khác; Trồng và cắt tỉa tạo hình cây xanh các loại; Trồng hoa hàng năm; Trồng và cắt tỉa tạo hình hoa kiểng các loại; Xây dựng nhà để ở; Xây dựng nhà không để ở; Xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình điện; Xây dựng công trình cấp, thoát nước; Xây dựng công trình thủy; Xây dựng công trình chế biến, chế tạo; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Cung cấp dịch vụ công ích và xây dựng dân dụng.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

1.4 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính

Từ đầu năm 2020, đại dịch COVID-19 có những ảnh hưởng gần như toàn bộ tới nền kinh tế Việt Nam. Trong bối cảnh hoạt động sản xuất, kinh doanh chịu nhiều tác động do dịch COVID-19, Chính phủ đã và đang có nhiều chính sách nhằm hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn. Tuy nhiên, do chưa thuộc đối tượng được hỗ trợ theo chính sách của Chính phủ nên Công ty chưa nhận được các khoản hỗ trợ liên quan.

1.5 Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31/12/2020, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

Tên đơn vị trực thuộc	Địa chỉ
1. Xí nghiệp Môi trường Đô thị Tri Tôn	Số 01, Nguyễn Huệ, Khóm 4, Thị trấn Tri Tôn, Huyện Tri Tôn, Tỉnh An Giang
2. Xí nghiệp Môi trường Đô thị Phú Tân	Số 109, ấp Thượng 2, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Phú Tân, Tỉnh An Giang
3. Xí nghiệp Môi trường Đô thị Châu Đốc	Số 269 Hoàng Diệu, Phường Châu Phú B, Thành phố Châu Đốc, Tỉnh An Giang
4. Xí nghiệp Môi trường Đô thị Tân Châu	Số 21 Lê Thị Riêng, Khóm Long Thạnh C, Phường Long Hưng, Thị xã Tân Châu, Tỉnh An Giang
5. Xí nghiệp Môi trường Đô thị Châu Thành	Ấp Bình Phú 1 Xã Bình Hòa, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang
6. Xí nghiệp Môi trường Đô thị Thoại Sơn	Đường Nguyễn Huệ, Ấp Bắc Sơn, Thị trấn Núi Sập, Huyện Thoại Sơn, Tỉnh An Giang
7. Xí nghiệp Môi trường Đô thị An Phú	Số 2729, Tổ 30, Ấp Phú Mỹ, Xã Phú Hội, Huyện An Phú, Tỉnh An Giang
8. Xí nghiệp Môi trường Đô thị Tịnh Biên	Khóm Hòa Hưng, Thị trấn Nhà Bàng, Huyện Tịnh Biên, Tỉnh An Giang
9. Xí nghiệp Môi trường Đô thị Chợ Mới	Đường Tỉnh lộ 942, Ấp Long Hòa, Thị trấn Chợ Mới, huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang
10. Xí nghiệp Môi trường Đô thị Châu Phú	Số 44 Hai Bà Trưng, Ấp Bình Hòa, Thị trấn Cái Dầu, Huyện Châu Phú, Tỉnh An Giang

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính ban hành và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính năm 2020 là có thể so sánh được.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Các khoản Tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, tiền gửi có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: Được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư số 28/TT-BTC ngày 12/4/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư 45/2015/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư số 147/TT-BTC ngày 13/10/2016.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định vô hình

- Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...
- Phần mềm máy tính được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	03 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05
Tài sản cố định khác	06 - 13

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

TSCĐ vô hình là phần mềm kế toán được khấu hao trong 5 năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- *Công cụ, dụng cụ*: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.
- *Giá trị lợi thế kinh doanh*: Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp được xác định căn cứ vào Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang. Giá trị lợi thế kinh doanh này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Hồ chôn lấp rác đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay phải trả.
- Chi phí phải trả cho dịch vụ theo thời gian thực hiện hợp đồng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận như sau:

Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, dịch vụ trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế.
- Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp phù hợp với quy định hiện hành về thuế. Chi tiết các mức thuế suất Công ty được áp dụng trong năm 2020:

Loại hoạt động	Mức thuế suất thuế TNDN áp dụng
Hoạt động thu gom rác	10%
Hoạt động xử lý rác nguy hại	10% được giảm 50%
Hoạt động xử lý chất thải rắn	10%
Hoạt động thông thường	20%

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông trừ đi số đã trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty mẹ, các Công ty con của Công ty mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Trong năm, Công ty chỉ hoạt động chủ yếu dịch vụ công ích tại khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam nên không lập Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	1.169.780.263	1.581.085.803
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	17.459.947.500	9.962.087.350
Tương đương tiền	38.500.000.000	30.000.000.000
Cộng	57.129.727.763	41.543.173.153

Tương đương tiền là khoản: Tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng tại Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh An Giang, số tiền 18.500.000.000 đồng; Ngân hàng TM CP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh, số tiền 20.000.000.000 đồng; lãi suất từ 3,8%/năm đến 3,85%/năm.

5.2 Phải thu ngắn hạn khách hàng

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ủy ban Nhân dân thành phố Châu Đốc	3.328.027.627	8.288.153.143
Ủy ban Nhân dân thành phố Long Xuyên	6.879.469.000	4.413.000.000
Ủy ban Nhân dân huyện Chợ Mới	-	2.735.536.086
Các đối tượng còn lại	14.732.928.219	14.613.483.222
Cộng	24.940.424.846	30.050.172.451

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐỒ THỊ AN GIANG
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đối tượng đầu tư	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi số	Giá gốc	Giá trị ghi số
Ngắn hạn	20.453.160.485	20.453.160.485	10.433.829.517	10.433.829.517
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	20.453.160.485	20.453.160.485	10.433.829.517	10.433.829.517
Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh An Giang	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh An Giang	15.000.000.000	15.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Ngân hàng TMCP Bản Việt - Chi nhánh An Giang	453.160.485	453.160.485	433.829.517	433.829.517
Dài hạn	200.000.000	200.000.000	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (ii)	200.000.000	200.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh An Giang	200.000.000	200.000.000	-	-
Cộng	20.653.160.485	20.653.160.485	10.433.829.517	10.433.829.517

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 6 - 7 tháng với lãi suất từ 5.8%/năm - 7%/năm.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 24 tháng với lãi suất 7%/năm.

5.4 Các khoản phải thu khác

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị ghi số	Dự phòng	Giá trị ghi số	Dự phòng
a) Ngắn hạn	840.437.471	-	220.421.603	-
Ký quỹ ký cược	3.466.500	-	-	-
Lãi dự thu	237.304.948	-	192.661.542	-
Các khoản chi hộ tiền điện công lộ	599.666.023	-	27.760.061	-
b) Dài hạn	216.265.000	-	318.010.585	-
- Ký cược, ký quỹ	216.265.000	-	318.010.585	-
Cộng	1.056.702.471	-	538.432.188	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐỒ THỊ AN GIANG
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.5 Nợ xấu

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Phòng tài chính kế hoạch Long Xuyên - Phải thu tiền bán hàng	1.216.560.329	-	1.216.560.329	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	554.149.855	-	554.149.855	-
Cộng	1.770.710.184	-	1.770.710.184	-
<i>Trong đó:</i>				
Phòng tài chính kế hoạch Long Xuyên - Phải thu tiền bán hàng	-	-	-	1.216.560.329
Khách hàng khác	-	-	-	554.149.855

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	655.000.247	-	467.236.658	-
Công cụ, dụng cụ	13.482.000	-	9.480.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	15.583.581.287	-	24.170.689.190	-
Thành phẩm	-	-	16.352.884	-
Cộng	16.252.063.534	-	24.663.758.732	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.7 Chi phí trả trước

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
	VND	(Trình bày lại)
a) Ngắn hạn	2.158.762.970	815.849.113
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	823.153.060	196.545.376
Chi phí thuê giữ đất	5.778.750	6.934.500
Phí sử dụng đường bộ	137.934.266	57.001.019
Chi phí sửa chữa	907.164.629	523.058.694
Chi phí trả trước khác	284.732.265	32.309.524
b) Dài hạn	3.933.633.970	7.921.836.649
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	672.831.831	971.827.005
Chi phí xây dựng hồ chôn lấp rác	748.800.186	4.313.007.093
Giá trị lợi thuế kinh doanh	903.348.991	2.099.253.799
Chi phí sửa chữa tài sản	1.528.047.062	476.446.723
Chi phí trả trước khác	80.605.900	61.302.029
Cộng	6.092.396.940	8.737.685.762

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐỒ THỊ AN GIANG
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.8 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dung cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Đơn vị tính: VND
						Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại ngày 01/01/2020	45.216.183.720	12.350.329.503	106.738.132.355	48.181.818	426.532.000	164.779.359.396
Tăng trong năm	2.767.852.438	1.246.819.743	20.995.290.906	-	71.280.000	25.081.243.087
Mua trong năm	-	50.000.000	20.995.290.906	-	-	21.045.290.906
Đầu tư XDCB hoàn thành	2.767.852.438	1.196.819.743	-	-	71.280.000	4.035.952.181
Giảm trong năm	1.434.199.450	-	160.000.000	-	-	1.594.199.450
Thanh lý nhượng bán	1.434.199.450	-	160.000.000	-	-	1.594.199.450
Số dư tại ngày 31/12/2020	46.549.836.708	13.597.149.246	127.573.423.261	48.181.818	497.812.000	188.266.403.033
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại ngày 01/01/2020	14.861.716.460	1.132.269.133	46.639.333.349	19.678.713	204.952.937	62.857.950.592
Tăng trong năm	3.061.528.069	1.624.273.484	10.612.411.915	9.636.360	49.617.840	15.357.467.668
Khấu hao trong năm	3.061.528.069	1.624.273.484	10.612.411.915	9.636.360	49.617.840	15.357.467.668
Giảm trong năm	1.225.232.358	-	160.000.000	-	-	1.385.232.358
Thanh lý nhượng bán	1.225.232.358	-	160.000.000	-	-	1.385.232.358
Số dư tại ngày 31/12/2020	16.698.012.171	2.756.542.617	57.091.745.264	29.315.073	254.570.777	76.830.185.902
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2020	30.354.467.260	11.218.060.370	60.098.799.006	28.503.105	221.579.063	101.921.408.804
Tại ngày 31/12/2020	29.851.824.537	10.840.606.629	70.481.677.997	18.866.745	243.241.223	111.436.217.131

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31/12/2020 là 20.287.225.228 VND (tại ngày 31/12/2019 là 4.515.761.800 VND).



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.9 Tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND*

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Tổng</u>
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại ngày 01/01/2020	13.896.146.234	427.850.000	14.323.996.234
Tăng trong năm	-	85.000.000	85.000.000
Mua trong năm		85.000.000	85.000.000
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2020	13.896.146.234	512.850.000	14.408.996.234
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại ngày 01/01/2020	-	149.721.486	149.721.486
Tăng trong năm	-	81.108.886	81.108.886
Khấu hao trong năm	-	81.108.886	81.108.886
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2020	-	230.830.372	230.830.372
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2020	13.896.146.234	278.128.514	14.174.274.748
Tại ngày 31/12/2020	13.896.146.234	282.019.628	14.178.165.862

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 với giá trị là 36.000.000 VND (tại ngày 31/12/2019 là: 36.000.000 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.10 Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
a) Chi mua sắm	1.027.409.091	136.500.000
Phần mềm nhân sự	136.500.000	136.500.000
Xe ô tô con 7 chỗ MITSUBISHI Pajero Sport màu trắng 67A-163.64	890.909.091	-
b) Chi xây dựng cơ bản dở dang	65.041.302.163	122.149.394.191
Dự án khu Liên Hợp Châu Thành - Cụm Long Xuyên	354.379.639	354.379.639
Dự án nhà máy xử lý chất thải rắn - Huyện Thoại Sơn	-	234.681.455
Dự án Lò đốt rác thải sinh hoạt xã Vĩnh Gia - Huyện Tri Tôn	631.749.408	626.749.408
Bãi chôn lấp rác thải - xã Bình Hòa	140.275.091	13.273.636
Dự án nhà Máy xử lý chất thải rắn - Huyện Chợ Mới	17.550.481.453	6.120.677.180
Xây dựng ô chôn lấp hợp vệ sinh số 2 - KLH xử lý chất thải rắn cụm Long Xuyên	774.683.000	-
Dự án xử lý triệt để môi trường bãi rác - Huyện Bình Đức	42.409.723.572	38.382.859.572
Dự án cải tạo, chôn lấp hợp vệ sinh bãi rác kênh 10, ô số 1 phần phủ đỉnh (kênh 10, TP Châu Đốc)	3.180.010.000	2.834.655.000
Dự án hạ tầng khu liên hiệp xử lý chất thải rắn cụm Long Xuyên (giai đoạn 1)	-	73.582.118.301
c) Chi sửa chữa	147.099.452	77.700.000
Xe ủi (Công ty)	-	31.400.000
Xe đào 07 EX (Công ty)	-	46.300.000
Xe 67C-114.68 (XN Thoại Sơn)	104.701.271	-
Xe 67C-113.89	42.398.181	-
Cộng	66.215.810.706	122.363.594.191

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.11 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Vận Tài Thương Mại Xây Dựng Công Nghiệp Đức Long	12.663.000.000	12.663.000.000	-	-
Công ty TNHH Tư vấn Kiến trúc Mới	15.477.000	15.477.000	15.477.000	15.477.000
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng và Giao thông An Giang	8.924.000	8.924.000	8.924.000	8.924.000
Công ty Cổ Phần Báo Chí Và Thương Hiệu Quốc Gia	-	-	4.400.000	4.400.000
Các đối tượng còn lại	1.206.618.580	1.206.618.580	830	830
Cộng	13.894.019.580	13.894.019.580	28.801.830	28.801.830

5.12 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

	Đơn vị tính: VND	
	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm
Phải nộp		
Thuế GTGT	638.211.358	19.776.988.135
Thuế thu nhập doanh nghiệp	377.661.706	16.897.158.401
Thuế thu nhập cá nhân	55.616.859	2.181.649.009
	204.932.793	698.180.725
Phải thu		
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	-	1.803.193
	-	1.803.193
		31/12/2020
	21.441.311.913	2.302.535.136
	16.833.182.950	313.686.255
	4.114.881.031	1.988.848.881
	493.247.932	-
	-	1.803.193
	-	1.803.193

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.13 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Trích trước chi phí bồi dưỡng hiện vật	138.870.000	6.181.773
Chi phí xử lý nước thải KLH Châu Thành sau đóng cửa	14.547.426.964	-
Cộng	14.686.296.964	6.181.773

5.14 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	-	35.023.547
Cộng	-	35.023.547

5.15 Các khoản phải trả phải nộp khác ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tài sản thừa chờ giải quyết	395.069.000	395.069.000
Phải trả về cổ phần hoá	-	3.406.239.694
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3.980.640.000	3.978.600.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác (*)	466.340.012	538.312.728
Cộng	4.842.049.012	8.318.221.422

(*) Các khoản phải trả, phải nộp khác:

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Thu hộ khác	174.600.000	-
Thuế thu nhập cá nhân	291.740.012	4.560.728
Tiền bảo hành công trình phải trả cho nhà cung cấp	-	533.752.000
Cộng	466.340.012	538.312.728

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐỒ THỊ AN GIANG
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.16 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư XD CB	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2019	198.930.000.000	-	3.124.267.753	114.799.632.873	202.054.267.753
Tăng trong năm	-	1.887.707.802	19.570.767.603	114.799.632.873	136.258.108.278
Lãi hoạt động kinh doanh	-	-	15.074.757.978	-	15.074.757.978
Phân phối lợi nhuận quý 4/2018 và năm 2019	-	1.887.707.802	-	-	1.887.707.802
Nguồn vốn XD CB từ ngân sách nhà nước	-	-	-	114.799.632.873	114.799.632.873
Điều chỉnh khấu hao	-	-	4.496.009.625	-	4.496.009.625
Giảm trong năm	-	-	22.015.999.607	-	22.015.999.607
Trích quỹ đầu tư phát triển quý 4/2018 và năm 2019	-	-	1.887.707.802	-	1.887.707.802
Trích quỹ phúc lợi và quỹ thưởng Ban Điều hành quý 4/2018	-	-	2.065.000.000	-	2.065.000.000
Trích quỹ phúc lợi và quỹ thưởng Ban Điều hành năm 2019	-	-	9.588.681.880	-	9.588.681.880
Xử lý tài chính về việc quyết toán vốn nhà nước	-	-	4.496.009.925	-	4.496.009.925
Chia cổ tức quý 4/2018 và năm 2019	-	-	3.978.600.000	-	3.978.600.000
Số dư tại ngày 31/12/2019	198.930.000.000	1.887.707.802	679.035.749	114.799.632.873	316.296.376.424
Số dư tại ngày 01/01/2020	198.930.000.000	1.887.707.802	679.035.749	114.799.632.873	316.296.376.424
Tăng trong năm	-	1.675.055.040	16.750.550.397	4.372.219.000	22.797.824.437
Lãi kinh doanh trong năm	-	-	16.750.550.397	-	16.750.550.397
Phân phối lợi nhuận năm 2020	-	1.675.055.040	-	-	1.675.055.040
Nguồn vốn XD CB từ ngân sách nhà nước	-	-	-	4.372.219.000	4.372.219.000
Giảm trong năm	-	-	17.429.586.146	73.582.118.301	91.011.704.447
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận còn lại của năm 2019 (i)	-	-	679.035.749	-	679.035.749
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi và thưởng Ban Điều hành năm 2020 (i)	-	-	11.096.895.357	-	11.096.895.357
Tạm trích quỹ đầu tư phát triển năm 2020 (i)	-	-	1.675.055.040	-	1.675.055.040
Tạm chia cổ tức năm 2020 (i)	-	-	3.978.600.000	-	3.978.600.000
Bàn giao tài sản hình thành từ ngân sách nhà nước (ii)	-	-	-	73.582.118.301	73.582.118.301
Số dư tại ngày 31/12/2020	198.930.000.000	3.562.762.842	-	45.589.733.572	248.082.496.414

5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(i) Công ty phân phối lợi nhuận còn lại năm 2019 và tạm phân phối lợi nhuận năm 2020 theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/6/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên, chia cổ tức với tỷ lệ 2% mệnh giá, trích quỹ đầu tư phát triển 10% lợi nhuận sau thuế năm 2020, quỹ thưởng ban điều hành 1 tháng lương thực hiện, toàn bộ lợi nhuận còn lại trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2020.

(ii) Công ty bàn giao toàn bộ dự án Hạ tầng khu liên hiệp xử lý chất thải rắn cụm Long Xuyên (Giai đoạn 1), là dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, thuộc xã Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang cho Ủy ban Nhân dân huyện Châu Thành theo Quyết định số 1338/QĐ-UBND của UBND tỉnh An Giang ngày 10/6/2020.

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đối tượng	Tại ngày 31/12/2020			Tại ngày 01/01/2020		
	Tỷ lệ	Số cổ phần	Giá trị cổ phần	Tỷ lệ	Số cổ phần	Giá trị cổ phần
			tính theo mệnh giá VND			tính theo mệnh giá VND
UBND tỉnh An Giang	97,88%	19.471.800	194.718.000.000	97,88%	19.471.800	194.718.000.000
Các cổ đông khác	2,12%	421.200	4.212.000.000	2,12%	421.200	4.212.000.000
Tổng	100%	19.893.000	198.930.000.000	100%	19.893.000	198.930.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Vốn góp tại ngày 01/01/2020	198.930.000.000	198.930.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31/12/2020	198.930.000.000	198.930.000.000
Cổ tức đã chia trong năm	3.978.600.000	3.978.600.000
Trích các quỹ	13.450.986.146	13.541.389.682

d. Cổ phiếu

	31/12/2020 Cổ phiếu	01/01/2020 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19.893.000	19.893.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	19.893.000	19.893.000
Cổ phiếu phổ thông	19.893.000	19.893.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.893.000	19.893.000
Cổ phiếu phổ thông	19.893.000	19.893.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

e. Các quỹ doanh nghiệp

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	3.562.762.842	1.887.707.802
Cộng	3.562.762.842	1.887.707.802

5.17 Doanh thu cung cấp dịch vụ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	261.252.520.375	195.017.740.957
Doanh thu xây dựng	317.140.000	1.272.605.455
Doanh thu dịch vụ công ích	237.185.567.987	162.906.778.621
Doanh thu cung cấp dịch vụ	23.749.812.388	30.838.356.881
Các khoản giảm trừ doanh thu	501.462.961	-
Giảm giá hàng bán	501.462.961	-
Doanh thu thuần	260.751.057.414	195.017.740.957

5.18 Giá vốn hàng bán

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giá vốn xây dựng	210.645.746	881.654.682
Giá vốn dịch vụ công ích	217.917.387.300	152.167.578.004
Giá vốn cung cấp dịch vụ	7.084.501.752	10.444.409.680
Cộng	225.212.534.798	163.493.642.366

5.19 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi	2.492.431.886	1.970.902.676
Cộng	2.492.431.886	1.970.902.676

5.20 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	12.373.310.385	11.759.761.631
Chi phí vật liệu quản lý	143.368.044	101.985.610
Chi phí đồ dùng văn phòng	546.736.673	410.166.059
Chi phí khấu hao TSCĐ	514.189.143	429.465.852
Thuế phí và lệ phí	172.627.706	180.293.898
Chi phí dự phòng	-	159.504.809
Chi phí dịch vụ mua ngoài	639.657.780	752.861.663
Chi phí bằng tiền khác	2.680.504.606	2.352.100.655
Cộng	17.070.394.337	16.146.140.177

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.21 Thu nhập khác

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thu nhập khác		
Tiền bồi thường	11.600.000	-
Các khoản khác	167.638.492	152.460.784
Cộng	179.238.492	152.460.784
Chi phí khác		
Giá trị còn lại và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCD	188.058.001	-
Các khoản bị phạt	78.393.007	-
Các khoản khác	7.916.221	66.601.863
Cộng	274.367.229	66.601.863
Lợi nhuận khác	(95.128.737)	85.858.921

5.22 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
1.1 Lợi nhuận kế toán trước thuế	20.865.431.428	17.434.720.011
<i>Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:</i>	<i>14.630.949.971</i>	<i>227.989.672</i>
<i>Chi phí không được tính thuế</i>	<i>14.630.949.971</i>	<i>227.989.672</i>
<i>Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Thu nhập chịu thuế	35.496.381.399	17.662.709.683
Thu nhập chịu thuế suất 20%	5.956.869.199	6.217.213.505
Thu nhập chịu thuế suất 10%	28.930.631.616	10.884.890.467
Thu nhập chịu thuế suất 10% (được giảm 50% số thuế phải nộp)	608.880.584	560.605.711
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	4.145.325.060	2.387.992.319
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 50% của hoạt động xử lý rác nguy hại	30.444.029	28.030.286
Thuế TNDN hiện hành	4.114.881.031	2.359.962.033

5.23 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	16.750.550.397	15.074.757.978
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành, quỹ đầu tư phát triển (i)	(11.096.895.357)	(9.588.681.880)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.653.655.040	5.486.076.098
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong	19.893.000	19.893.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) (ii)	284,20	275,78

(i) Công ty tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ năm 2020 ngày 22/6/2020, theo đó Công ty tạm trích Quỹ thưởng ban điều hành, Quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại sau khi trừ đi cổ tức năm 2020 (2% mệnh giá) và Quỹ đầu tư phát triển (10% lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020). Khi có nghị quyết chính thức của Đại hội đồng cổ đông năm 2021 về việc phân phối lợi nhuận cho năm tài chính 2020, lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2020 có thể bị thay đổi.

(ii) Công ty xác định lại số trích Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 theo tỷ lệ phân phối lợi nhuận năm 2019 của Công ty đã được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong năm 2020. Theo đó lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 được trình bày lại như sau:

	Năm 2019	
	Số đã báo cáo VND	Số trình bày lại VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	15.074.757.978	15.074.757.978
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ khen thưởng HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban điều hành	(11.653.681.880)	(9.588.681.880)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.421.076.098	5.486.076.098
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	19.893.000	19.893.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	171,97	275,78

5.24 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	22.831.891.093	23.974.990.604
Chi phí nhân công	146.979.907.960	119.582.605.089
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.438.576.554	14.264.663.698
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.370.888.357	24.189.621.891
Chi phí khác bằng tiền	10.072.920.904	6.295.285.581
Cộng	233.694.184.868	188.307.166.863

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Thu nhập của nhân sự chủ chốt

Bên liên quan	Chức vụ	Năm 2020	Năm 2019
		VND	VND (Trình bày lại)
Thù lao, lương, thưởng và các lợi ích khác của Hội đồng Quản trị			
Nguyễn Ngọc Sơn	Chủ tịch	619.831.070	598.252.615
Trần Minh Tâm	Thành viên	42.000.000	40.950.000
Đỗ Văn Lạc	Thành viên	93.600.000	84.300.000
Trần Hữu Bình	Thành viên	93.600.000	84.300.000
Đặng Anh Dũng	Thành viên	40.800.000	39.780.000
Tổng		889.831.070	847.582.615
Thù lao, lương, thưởng và các lợi ích khác của Thư ký Hội đồng Quản trị			
Nguyễn Hữu Hạnh	Thư ký	93.600.000	84.280.000
Thù lao, lương, thưởng và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát			
Trần Thị Thanh Hương	Trưởng ban	531.281.073	510.349.769
Nguyễn Thị Thu Thảo	Thành viên	45.360.000	-
Nguyễn Kim Hiện	Thành viên	45.360.000	88.560.000
Trần Đình Thư	Thành viên	90.720.000	88.560.000
Tổng		712.721.073	687.469.769
Thù lao, lương, thưởng và các lợi ích khác của Ban Tổng Giám đốc			
Trần Minh Tâm	Tổng Giám đốc	614.577.544	595.381.387
Đặng Anh Dũng	Phó Tổng Giám đốc	604.855.374	584.787.995
Đình Thị Ngọc Nga	Phó Tổng Giám đốc	511.065.229	246.446.923
Tổng		1.730.498.147	1.426.616.305
Thù lao, lương, thưởng và các lợi ích khác của Kế toán trưởng			
Võ Thị Ngọc Bích	Kế toán trưởng	486.771.079	467.119.307

6.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

Người lập



Trần Thị Thúy

Kế toán trưởng



Võ Thị Ngọc Bích

An Giang, ngày 26 tháng 3 năm 2021

Tổng Giám đốc



Trần Minh Tâm

Số: 01/2021/UQ-CPA VIETNAM

Ngày 02 tháng 01 năm 2021

GIẤY ỦY QUYỀN*(Về việc ký các Văn bản, Hợp đồng và Báo cáo chuyên ngành)*

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc Hội Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Bộ Luật lao động số 10/2012/QH13 đã được Quốc Hội Nước Cộng hòa xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 18/06/2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM và các sửa đổi, bổ sung đến thời điểm hiện tại;
- Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM.

Tôi tên là **Nguyễn Phú Hà - Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc**, số Căn cước Công dân: 026072001408 do Cục Cảnh sát ĐKQLCư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 07/11/2016, là Người đại diện theo pháp luật của **Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM**, địa chỉ: Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building, số 235 Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội, Việt Nam. Bằng Văn bản này ủy quyền cho: **Ông Vũ Ngọc Án - Phó Tổng Giám đốc, Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM**, số Chứng minh thư nhân dân: 036057000214 do Cục Cảnh sát ĐKQLCư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 03/07/2015, thực hiện các công việc cụ thể như sau:

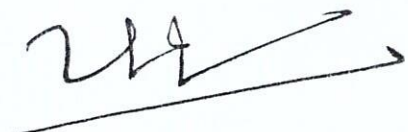
- Ký các Văn bản, Hồ sơ chào hàng, chào phí, Hồ sơ quan tâm, Hồ sơ đề xuất, Hồ sơ dự thầu, Hồ sơ làm rõ Hồ sơ quan tâm các dịch vụ tài chính chuyên ngành;
- Tham gia thương thảo, ký Biên bản thương thảo Hợp đồng, Hợp đồng, thư thỏa thuận cung cấp các dịch vụ tài chính chuyên ngành. Ký thanh lý Hợp đồng, Hóa đơn GTGT các dịch vụ thuộc phạm vi được phép kinh doanh của Công ty có giá trị từ 500 triệu đồng trở xuống;
- Ký các Báo cáo kiểm toán, Báo cáo kết quả công tác soát xét, Báo cáo tư vấn, Biên bản, Hồ sơ tư vấn các dịch vụ tài chính chuyên ngành;

Người được Ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của **Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM** và không được ủy quyền lại cho bên thứ 3. **Ông Vũ Ngọc Án** chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Công ty và Pháp luật về những công việc do mình thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy Ủy quyền có hiệu lực từ ngày 02 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021. Giấy Ủy quyền này được lập thành 05 bản có giá trị pháp lý ngang nhau, người ủy quyền giữ 01 bản, người được ủy quyền giữ 01 bản, 03 bản lưu tại bộ phận Văn thư lưu trữ của Công ty.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Phú Hà

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Vũ Ngọc Án